TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/DS-ST
Ngày: 26/5/2021.
V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phượng Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Phúc.

2. Ông Nguyễn Vương Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 26/5/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 393/2020/TLST-DS ngày 24/11/2020 về: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2021/QĐXXST-DS ngày 06/5/2021giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Vợ chồng bà Bùi Thị T sinh năm 1977 và ông Vũ Văn T sinh năm 1970; cùng trú tại: Số 116, đường T, tổ 27, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Văn T: Bà Bùi Thị T (bà T có mặt, ông T vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Hữu N sinh năm 1979; Hộ khẩu thường trú: Tổ 12 (tổ 36 cũ), đường C, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ liên hệ: Số 121, đường H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trương Thị D sinh năm 1958; trú tại: Số 27, đường T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có đơn xin vắng mặt).

3.2. Bà Lê Thị L sinh năm 1989; địa chỉ liên hệ: Số 121, đường H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Vũ Văn T và bà Bùi Thị T do bà Bùi Thị T trình bày:* Từ đầu năm 2020 đến tháng 7/2020, ông Trần Hữu N có vay của bà tổng số tiền là 800.000.000 đồng (ngày 10/01/2020 vay 50.000.000 đồng, ngày 20/2/2020 vay 100.000.000 đồng, ngày 05/4/2020 vay 100.000.000 đồng, ngày 23/5/2020 vay 200.000.000 đồng, ngày 07/7/2020 vay 02 lần 350.000.000 đồng). Các giấy vay tiền đều do ông N tự viết và ký tên. Ông N hẹn bà đến ngày 23/9/2020 (ngày 07/8/2020 âm lịch) sẽ trả đủ số tiền vay cho bà. Sau đó, ông N xin bà cho lùi thời gian trả nợ và bà cũng đồng ý cho lùi trả nợ đến ngày 20/10/2020 (ngày 04/9/2020 âm lịch) sẽ trả đủ số tiền vay cho bà. Tuy nhiên đến ngày hẹn nêu trên ông N không chịu trả nợ cho bà. Bà đã liên hệ nhiều lần yêu cầu ông N trả nợ cho bà nhưng không được. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Trần Hữu N trả cho bà số tiền nợ là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng). Bà không yêu cầu tiền lãi. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

- *Ý kiến của bị đơn ông Trần Hữu N:* Ông thừa nhận ông có nợ vợ chồng ông T, bà T số tiền là 800.000.000 đồng, tuy nhiên ông đã trả được cho vợ chồng ông T, bà T số tiền là 250.000.000 đồng. Trả vào thời gian nào thì ông không nhớ, số tiền này ông trả vào nhiều lần chứ không phải một lần. Khi ông trả nợ thì không có giấy tờ gì. Nay vợ chồng ông T, bà T khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền 800.000.000 đồng thì ông không đồng ý. Ông chỉ đồng ý trả cho vợ chồng ông T, bà T số tiền vay là 550.000.000 đồng. Ông thừa nhận toàn bộ giấy xác nhận nợ do vợ chồng ông T, bà T cung cấp là do ông tự viết và ký. Ngoài ra, ông không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- *Việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông T và bà T, buộc ông N trả cho vợ chồng ông T và bà T số tiền 800.000.000 đồng. Đề nghị tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời

số 104/2020/QĐ-BPKCTT ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng để đảm bảo việc thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về việc: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản giữa nguyên đơn vợ chồng ông Vũ Văn T và bà Bùi Thị T với bị đơn ông Trần Hữu N theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà D, bà L có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà D, bà L là phù hợp.

[2] Về nội dung: Vợ chồng ông T, bà T khởi kiện yêu cầu ông Trần Hữu N trả số tiền vay 800.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Bị đơn ông N thừa nhận vay của vợ chồng ông T, bà T 800.000.000 đồng nhưng ông đã trả được 250.000.000 đồng nên chỉ đồng ý trả 550.000.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông T, bà T thấy rằng:

Ông N thừa nhận có vay của vợ chồng ông T và bà T tổng số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng (ngày 10/01/2020 vay 50.000.000 đồng, ngày 20/2/2020 vay 100.000.000 đồng, ngày 05/4/2020 vay 100.000.000 đồng, ngày 23/5/2020 vay 200.000.000 đồng, ngày 07/7/2020 vay 02 lần 350.000.000 đồng). Các giấy vay tiền do bà T cung cấp bản chính và ông N đều thừa nhận do ông tự viết và ký tên. Ông N cho rằng ông đã trả cho bà T số tiền 250.000.000 đồng, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông N không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh nên lời trình bày của ông N là không có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ trả nợ: Vợ chồng ông T, bà T chỉ yêu cầu ông N trả nợ không yêu cầu bà L vợ ông N cùng có nghĩa vụ trả nợ. Ông N cũng xác định đây là nợ riêng của ông không liên quan đến bà L vợ ông. Bà L cho rằng đây là khoản nợ riêng của ông N, bà không biết việc vay tiền giữa ông N với vợ chồng ông T, bà T.

Do đó, có đủ căn cứ xác định đây là khoản nợ riêng của ông N đối với vợ chồng ông T, bà T; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông T và bà T, buộc bị đơn ông N phải trả cho vợ chồng ông T và bà T số tiền 800.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 104/2020/QĐ-BPKCTT ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T yêu cầu tiếp tục áp dụng để đảm bảo việc thi hành khoản nợ của bị đơn ông N đối với nguyên đơn. Yêu cầu này của nguyên đơn

là phù hợp nên cần giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 104/2020/QĐ-BPKCTT ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị D là người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng ông N và bà L, việc chuyển nhượng này Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã có Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 104/2020/QĐ-BPKCTT ngày 24/11/2020. Ngày 07/4/2021 Tòa án nhân dân huyện Đ nhận được đơn khởi kiện yêu cầu độc lập của bà D đối với vợ chồng ông Nguyên, bà L yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Đến ngày 20/4/2021 bà D xin rút yêu cầu khởi kiện độc lập khi Tòa án chưa thụ lý yêu cầu độc lập của bà D. Xét thấy việc rút yêu cầu độc lập của bà D là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Bà D cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn: 800.000.000 đồng là 20.000. 000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng = 36.000.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Vũ Văn T và bà Bùi Thị T với bị đơn ông Trần Hữu N về việc: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Buộc bị đơn ông Trần Hữu N phải trả cho nguyên đơn vợ chồng ông Vũ Văn T và bà Bùi Thị T số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 104/2020/QĐ-BPKCTT ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng để bảo đảm cho việc thi hành án của ông Trần Hữu N.

3. Về án phí: Hoàn trả cho ông Vũ Văn T và bà Bùi Thị T số tiền tạm ứng án phí đã dự nộp 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000816 ngày 24/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Buộc bị đơn ông Trần Hữu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA DS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu HS, AV.

Lê Thị Phượng Diễm